

Số: /2025/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi một số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu
chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số;

Xét Tờ trình số 441/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi một số
hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo
cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi một
số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi một số hoạt động phục vụ cho
mục tiêu y tế - dân số trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, các cá nhân
có liên quan đến hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số trên địa bàn tỉnh
An Giang.

Điều 2. Nội dung và mức chi một số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số

1. Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên
môn y tế để xác định các bệnh thuộc một số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế
- dân số (riêng đối với hoạt động tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các

bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy): 7.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy: 30.000 đồng/mẫu.

c) Chi hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu, người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu.

2. Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung một số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số

a) Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn là cộng tác viên, nhân viên y tế khám, áp, khu phố: Mức chi 600.000 đồng/buổi.

b) Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, lao kháng thuốc, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Mức hỗ trợ người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do Giám đốc Sở Y tế quyết định.

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Cán bộ tư vấn được bồi dưỡng theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm: Mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

3. Chi hỗ trợ những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số (bao gồm cả lồng ghép khám bệnh, chữa bệnh với khắc phục hậu quả thiên tai và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thuộc phạm vi hoạt động Quân dân y kết hợp. Riêng đối với hoạt động tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc) ngoài chế độ công tác phí hiện hành

a) Trường hợp là người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sĩ, y sĩ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu; 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường còn lại;

Đối tượng khác (bao gồm y sĩ, y tá, điều dưỡng, nhân viên tổ y tế) trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã, phường còn lại.

b) Trường hợp là người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước:

Người trực tiếp khám, xét nghiệm: Mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm công tác viên, tổ tự quản nhóm, ấp, khu phố): Mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

c) Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại Điều này hoặc theo quy định về nội dung chi riêng của một số hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số (nếu có).

4. Chi hỗ trợ công tác viên y tế, dân số tại xã, phường, đặc khu

a) Mức hỗ trợ công tác viên y tế:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 200.000 đồng/người/tháng;

Đối với các xã, phường còn lại: 150.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp công tác viên phụ trách nhiều hoạt động thì 01 hoạt động tăng thêm, công tác viên được hỗ trợ thêm 50.000 đồng/người/tháng. Giám đốc trạm y tế các xã, phường, đặc khu quyết định số lượng và đối tượng công tác viên của các hoạt động tại quy định này bắt buộc phải có công tác viên thường xuyên.

b) Mức hỗ trợ công tác viên dân số:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 500.000 đồng/người/tháng;

Đối với các xã, phường còn lại: 400.000 đồng/người/tháng.

5. Chi hỗ trợ cơ sở y tế xây dựng, triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (gồm bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quy não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế

Mức chi: 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

a) Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng

vấn bệnh nhân (nếu có).

b) Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của các hoạt động phục vụ cho mục tiêu y tế - dân số.

c) Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe).

6. Hoạt động phòng, chống phong

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 06 đến 09 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều;

Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12 đến 18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ:

Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều này;

Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ tối đa 20 ngày.

c) Chi hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán:

Bệnh nhân ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 300.000 đồng/bệnh nhân;

Bệnh nhân ở các xã, phường còn lại: 200.000 đồng/bệnh nhân.

7. Hoạt động phòng, chống lao

a) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học) tại cộng đồng: 30.000 đồng/bệnh nhân lao, lao kháng thuốc có bằng chứng vi khuẩn học.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã trực tiếp khám và vận chuyển mẫu đờm của người nghi mắc bệnh lao tới điểm thực hiện khám phát hiện và chẩn đoán:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 50.000 đồng/xã/tháng;

Đối với các xã, phường còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi biến cố bất lợi, tư vấn tuân thủ điều trị bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian theo hướng dẫn của Bộ Y tế (dự án Phòng, chống lao quốc gia):

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã

đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 06 đến 08 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 09 đến 11 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 18 đến 20 tháng;

Đối với các xã, phường còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 06 đến 08 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 09 đến 11 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 18 đến 20 tháng.

8. Hoạt động phòng, chống sốt rét

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình:

Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh (muỗi Anopheles): 5.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

c) Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

d) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

9. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

a) Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh (muỗi Aedes aegypti và Aedes albopictus): 5.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm): 600.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu;

Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

10. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

a) Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần:

Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

b) Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình, hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp, khu phố tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng:

Hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã, phường, đặc khu/tháng;

Hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp, khu phố tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu; 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực các xã, phường còn lại, nhưng tối đa 100.000 đồng/khóm, áp, khu phố/tháng.

11. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu: 5.000 đồng/mẫu.

c) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.

d) Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện khám siêu âm tuyến giáp trong điều

tra, đánh giá, khảo sát: 10.000 đồng/người được khám.

đ) Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

12. Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở (bao gồm nhân viên y tế tại các trạm y tế xã, phường, đặc khu; nhân viên y tế khám, cấp, khu phố) hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế cơ sở/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 07 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

13. Hoạt động tiêm chủng mở rộng

a) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 08 liều theo quy định của Chương trình Tiêm chủng mở rộng:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin);

Đối với các xã, phường còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm BCG (vắc xin phòng ngừa bệnh lao) tại các bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: IPV (vắc xin bại liệt bất hoạt), viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 (vắc xin bạch hầu - ho gà - uốn ván) cho trẻ 18 tháng tuổi; các vắc xin mới; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

Đối với các xã, phường còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

c) Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 2.000 đồng/mũi;

Đối với các xã, phường còn lại: 1.000 đồng/mũi.

d) Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm

quyền, đặc khu: 520.000 đồng/ca bệnh;

Đối với các xã, phường còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.

đ) Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 300.000 đồng/ca bệnh;

Đối với các xã, phường còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

14. Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

a) Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản:

Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xóm, ấp đặc biệt khó khăn; xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo.

Mức hỗ trợ: 600.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

b) Chi cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu (sổ A0). Nội dung chi bao gồm:

Chi in phiếu thu tin: 15 phiếu/địa bàn/năm. Giá in theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện;

Chi cập nhật thông tin biến động vào sổ ghi chép ban đầu và phiếu thu tin: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 05 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới;

Chi phí thẩm định phiếu thu tin biến động: 500 đồng/phiếu thu tin;

Chi phí cập nhật thông tin biến động từ phiếu thu tin vào kho dữ liệu: 1.000 đồng/phiếu thu tin.

c) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật: 50.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

15. Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 06 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng

a) Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình: 650.000 đồng/bệnh nhân.

b) Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

16. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

a) Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.

b) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 06 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đặc khu: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống);

Đối với các xã, phường còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

17. Hoạt động an toàn thực phẩm

a) Chi triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử; triển khai phương pháp thử nghiệm quốc tế, khu vực, đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm:

- Chi thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng:

Chi xây dựng đề cương dự kiến chương trình thử nghiệm: 1.000.000 đồng/đề cương;

Tổng hợp, xử lý kết quả phân tích của các phòng kiểm nghiệm: 1.000.000 đồng/báo cáo.

- Chi chuẩn hóa phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017 đối với các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm:

Xây dựng, chuẩn hóa phương pháp thử ISO: 500.000 đồng/phương pháp thử;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày, tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

- Chi đánh giá nội bộ tối đa 02 lần/năm:

Chi xây dựng đề cương đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/đề cương;

Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá nội bộ: 1.000.000 đồng/báo cáo;

Hỗ trợ cán bộ chuẩn hóa tài liệu, giám sát đánh giá nội bộ: 200.000 đồng/cán bộ/đợt đánh giá; tối đa 5 cán bộ/đợt đánh giá.

b) Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

- Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

- Chi hỗ trợ cho người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ hỗ trợ này):

Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày;

Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

- Chi soạn thảo đề cương xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương: 1.000.000 đồng/đề cương.

18. Hoạt động Phòng, chống HIV/AIDS

a) Chi hỗ trợ đối tượng nguy cơ cao cho mẫu máu, bệnh phẩm xét nghiệm phát hiện HIV/AIDS: 30.000 đồng/mẫu.

b) Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV

Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 1.300.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng tối đa 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ hỗ trợ từ nguồn kinh phí hoạt động này và ngược lại;

Chi hỗ trợ sinh hoạt nhóm tuyên truyền viên đồng đảng hàng tháng: Hỗ trợ sinh hoạt hàng tháng: 10.000 đồng/thành viên/tháng, tối đa 1.200.000 đồng/nhóm/năm;

Chi thăm hỏi khi thành viên trong nhóm tuyên truyền viên đồng đảng bị ốm đau: 100.000 đồng/lần, tối đa 03 lần/năm;

Trợ cấp một lần đối với thành viên tuyên truyền viên đồng đảng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên.

c) Chi hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:

Hỗ trợ chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người nhiễm HIV do tai nạn nghề nghiệp, rủi ro của kỹ thuật y tế, người dân có nguy cơ rủi ro lây nhiễm HIV khi tham gia cứu nạn, phòng tội phạm, phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (trừ đối tượng đã được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ nguồn quỹ Bảo hiểm y tế hoặc được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) với mức hỗ trợ là 200.000 đồng/người/năm;

Hỗ trợ tình nguyện viên tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV tại cộng đồng ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng.

19. Hoạt động đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

a) Chi thực hiện chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV (viêm gan B), HCV (viêm gan C), HIV, giang mai:

Chi thu thập tài liệu, nhập liệu, tổng hợp phân tích kết quả và viết báo

cáo: 150.000 đồng/đơn vị;

Cập nhật tài liệu, quy trình chất lượng liên quan đến chương trình ngoại kiểm (EQAS: External Quality Assessment): 500.000 đồng/quy trình;

Chi hỗ trợ người xây dựng và bảo quản ngân hàng mẫu: 10.000 đồng/mẫu;

Chi hỗ trợ người điều chế và xét nghiệm bộ mẫu: 100.000 đồng/mẫu.

b) Về hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống: Hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo: Tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh.

20. Hoạt động Quân dân y kết hợp

Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

21. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày.

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao.

c) Bồi dưỡng phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 3. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết:

- Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023-2025;

- Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XX;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn